



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Địa chỉ: Số 278, đường Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 3511 4713 Fax: (84-4) 3511 1429

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ (gọi tắt là 'Công ty'), được thành lập theo Quyết định số 2131/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103015225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Công ty có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 01 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là **11.550.000.000 đồng** (Mười một tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Công ty đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán là Công ty đại chúng và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng từ tháng 06 năm 2007.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải;
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Lập tổng mức đầu tư dự án; lập dự toán và tổng hợp dự toán (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu;
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng;
- Thẩm tra: hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình; Khảo sát thủy văn, môi trường;
- Khảo sát trắc địa công trình; Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường;
- Điều tra, phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề);
- Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm công trình;
- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề);
- Sửa chữa thiết bị đo đạc.

0101
C
TRÁCH
NHIỆM
VI
TU G

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Thọ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bích	Ủy viên
Ông Vũ Văn Chí	Ủy viên
Ông Phạm Duy Khôi	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Văn Tòng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bích	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Chí	Phó Giám đốc
Ông Phạm Duy Khôi	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Văn Thọ	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ



Bùi Văn Tông

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2012





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 123 -12/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN **về Báo cáo tài chính năm 2011** **của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ**

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập tại Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam, với ý kiến chấp nhận từng phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số IV.2- "Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho", năm 2011 Chính sách ghi nhận Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty căn cứ theo giá trị chi phí thực tế phát sinh. Tuy nhiên, tại thời điểm cuối năm, các khoản Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình chưa phù hợp với tiến độ công việc thực hiện. Do vậy, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để nêu ý kiến về số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề giới hạn kiểm toán đã nêu trên và các ảnh hưởng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011:

a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ giữ tám (08) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ hai (02) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1410/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		31.642.213.664	39.629.022.250
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	1.472.287.915	2.296.433.645
1 Tiền	111		1.472.287.915	2.296.433.645
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	1.350.000.000	14.208.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		1.350.000.000	14.208.000.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.680.077.413	17.592.859.061
1 Phải thu của khách hàng	131		24.003.699.379	16.313.226.527
2 Trả trước cho người bán	132		1.175.599.382	1.457.446.000
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	9.937.752	32.345.634
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(509.159.100)	(210.159.100)
IV Hàng tồn kho	140		3.372.183.031	3.251.111.838
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	3.372.183.031	3.251.111.838
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		767.665.305	2.280.617.706
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.231.685.210
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8.	-	272.663.795
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		767.665.305	776.268.701
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		5.685.419.059	6.251.446.792
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		2.429.319.492	2.546.031.100
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	2.429.319.492	2.546.031.100
- Nguyên giá	222		6.367.229.403	6.253.941.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.937.909.911)	(3.707.910.528)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		144.485.000	144.485.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(144.485.000)	(144.485.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		3.256.099.567	3.705.415.692
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	3.256.099.567	3.705.415.692
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		37.327.632.723	45.880.469.042

(Các thuyết minh từ trang đến trang 11 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		22.142.545.209	32.795.465.303
I Nợ ngắn hạn	310		21.683.269.262	32.426.320.190
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		875.491.097	900.973.785
3 Người mua trả tiền trước	313		13.956.099.627	25.697.510.794
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	2.489.697.823	589.202.048
5 Phải trả người lao động	315		395.083.443	1.707.317.443
6 Chi phí phải trả	316	V.9.	310.089.500	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	3.637.235.672	3.476.816.120
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		19.572.100	54.500.000
II Nợ dài hạn	330		459.275.947	369.145.113
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		186.548.674	141.872.386
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		272.727.273	227.272.727
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		15.185.087.514	13.085.003.739
I Vốn chủ sở hữu	410	V.11.	15.185.087.514	13.085.003.739
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.550.000.000	11.550.000.000
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		797.958.365	797.958.365
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		537.203.166	537.203.166
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.299.925.983	199.842.208
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		37.327.632.723	45.880.469.042

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hiến

Bùi Thị Vân



Bùi Văn Tông

(Các thuyết minh từ trang đến trang 11 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12.	60.207.917.148	68.319.882.894
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.13.	-	206.031.080
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.14.	60.207.917.148	68.113.851.814
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	48.128.813.292	54.679.580.806
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.079.103.856	13.434.271.008
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	2.108.655.097	1.231.780.874
7 Chi phí tài chính	22		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.1	10.571.574.316	11.293.364.951
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.616.184.637	3.372.686.931
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.2	85.293.730	468.336.364
12 Chi phí khác	32	VIII.2.3	1.700.000	135.806.059
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		83.593.730	332.530.305
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.699.778.367	3.705.217.236
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17.	999.694.592	956.683.591
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.700.083.775	2.748.533.645
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.19.	2.338	2.380

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Hiền



Bùi Thị Vân



Bùi Văn Tòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.769.606.892	77.358.984.189
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.202.257.573)	(26.952.828.785)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.125.427.300)	(24.974.207.332)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(804.614.070)	(477.045.535)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.146.464.988	3.393.005.827
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.726.193.264)	(17.105.196.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.942.420.327)	11.242.711.839
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(198.542.500)	(1.041.016.813)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.700.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.551.300.634)	(31.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.409.300.634	21.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.108.655.097	1.231.780.874
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.768.112.597	(10.344.535.939)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.649.838.000)	(1.462.539.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.649.838.000)	(1.462.539.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(824.145.730)	(564.363.100)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.296.433.645	2.860.796.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.472.287.915	2.296.433.645

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Hiền



Bùi Thị Vân



Bùi Văn Tông

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ (gọi tắt là 'Công ty'), được thành lập theo Quyết định số 2131/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103015225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Công ty có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 01 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là **11.550.000.000 đồng** (Mười một tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng) được góp bởi các cổ đông sau:

Tên Cổ đông	Giá trị vốn góp (nghìn đồng)	Số cổ phần	Tỷ lệ % góp vốn (%)
1/ Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận	5.890.500.000	589.050	51,00
<u>Đại diện:</u>			
Ông Bùi Văn Tòng	3.580.500.000	358.050	31,00
Ông Nguyễn Văn Bích	1.155.000.000	115.500	10,00
Ông Hoàng Văn Thọ	1.155.000.000	115.500	10,00
2. Các cổ đông khác	5.659.500.000	565.950	49,00
Tổng cộng	11.550.000.000	1.155.000	100,00

Công ty đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán là Công ty đại chúng và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng từ tháng 06 năm 2007.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn, thiết kế công trình đường bộ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải;
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Lập tổng mức đầu tư dự án; lập dự toán và tổng hợp dự toán (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu;
- Thiết kế diện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng;
- Thẩm tra: hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình; Khảo sát thủy văn, môi trường;
- Khảo sát trắc địa công trình; Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường;
- Điều tra, phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề);
- Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật)
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm công trình;
- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề);
- Sửa chữa thiết bị đo đạc.

Địa chỉ: Số 278, đường Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 3511 4713 Fax: (84-4) 3511 1429

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Năm 2010, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty được ghi nhận theo khối lượng công việc đã thực hiện và đơn giá trúng thầu hoặc đơn giá ghi trên hợp đồng ký kết với khách hàng. Năm 2011, Công ty ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo chi phí thực tế phát sinh của các công trình đang thực hiện dở dang và chưa được nghiệm thu tại thời điểm 31/12/2011.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy vi tính	03 - 05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)****4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính.**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn và hưởng lãi suất tiết kiệm. Số dư tiền gửi này được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản tài trợ thương mại của Ngân hàng cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với các khoản tiền khách hàng ứng trước cho Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2011, tổng giá trị các khoản tài trợ thương mại của Công ty là 9.172.923.060 đồng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn là Lợi thế kinh doanh (khoản chênh lệch tăng vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị trên sổ kế toán khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2006 theo Quyết định số 1942/QĐ-BGTVT ngày 20/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được phân bổ với thời gian dự kiến hết năm tài chính 2015.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm: công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 2-3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí dịch vụ hỗ trợ quản lý và phát triển thương hiệu với Tổng Công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải năm 2011, được ghi nhận căn cứ trên Hợp đồng và nghiệm thu thanh toán của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty gồm doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Trong năm 2011, dựa trên các xét đoán về tình trạng công nợ thực tế của Công ty, nhằm đảm bảo tính thận trọng hợp lý trong việc quản lý và thu hồi các khoản công nợ phải thu, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền là 299.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty đã loại trừ khoản chi phí dự phòng này khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

10.2 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Chi phí được Công ty ghi nhận khi thực tế phát sinh và khi có bằng chứng về phát sinh chi phí.

Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ cộng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ trừ chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ. Toàn bộ giá trị chi phí này được Công ty phân bổ giá vốn công trình theo tỷ lệ doanh thu đã ghi nhận của từng công trình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Tiền mặt</i>	<i>1.458.799.430</i>	<i>60.833.244</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>13.488.485</i>	<i>2.235.600.401</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.389.855	2.235.600.401
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	12.098.630	-
Tổng cộng	1.472.287.915	2.296.433.645
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.350.000.000</i>	<i>14.208.000.000</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.350.000.000	14.208.000.000
Tổng cộng	1.350.000.000	14.208.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	5.950.952	32.345.634
Phải thu tiền thuê đất tại Vĩnh Tuy	3.986.800	-
Tổng cộng	9.937.752	32.345.634
4. Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.372.183.031	3.251.111.838
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.372.183.031	3.251.111.838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2011	581.825.350	2.133.365.065	2.513.181.547	1.025.569.666	6.253.941.628
Mua trong năm	-	261.750.000	-	171.481.136	433.231.136
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(188.595.000)	-	(131.348.361)	(319.943.361)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	581.825.350	2.206.520.065	2.513.181.547	1.065.702.441	6.367.229.403
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2011	395.997.258	1.409.592.746	1.037.156.366	865.164.158	3.707.910.528
Khấu hao trong năm	49.821.893	194.175.947	215.076.217	90.868.687	549.942.744
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(188.595.000)	-	(131.348.361)	(319.943.361)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	445.819.151	1.415.173.693	1.252.232.583	824.684.484	3.937.909.911
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	185.828.092	723.772.319	1.476.025.181	160.405.508	2.546.031.100
Tại ngày 31/12/2011	136.006.199	791.346.372	1.260.948.964	241.017.957	2.429.319.492

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.801.928.873 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2011	144.485.000	144.485.000
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	144.485.000	144.485.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2011	144.485.000	144.485.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	144.485.000	144.485.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2011	-	-
Tại ngày 31/12/2011	-	-

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	361.521.486	87.193.091
Lợi thế kinh doanh chờ phân bổ (giá trị vốn Nhà nước tại doanh nghiệp) (1)	2.894.578.081	3.618.222.601
Tổng cộng	3.256.099.567	3.705.415.692

(1) Lợi thế kinh doanh (giá trị vốn Nhà nước tại doanh nghiệp) là phần giá trị chênh lệch xác định khi đánh giá doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp tại thời điểm 28/12/2006 với số tiền 5.427.333.901 đồng. Trong các năm tài chính 2007, 2008 và 2009, giá trị này được phản ánh như một Tài sản cố định vô hình của Công ty và được khấu hao trong 15 năm. Từ năm tài chính 2010, giá trị còn lại của khoản lợi thế kinh doanh với số tiền là 4.341.867.120 đồng được phân loại lại là khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian 6 năm.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2011
Thuế GTGT đầu ra	(272.663.795)	6.025.337.172	4.403.175.017	1.349.498.360
Thuế GTGT đầu ra (*)	25.145.628	-	25.145.628	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	540.281.201	999.694.592	804.614.070	735.361.723
Thuế thu nhập cá nhân	23.775.219	721.062.521	340.000.000	404.837.740
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	48.925.000	48.925.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	272.663.795			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	589.202.048			2.489.697.823

(*) Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán Nhà nước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

9.	Chi phí phải trả	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Trích trước chi phí dịch vụ hỗ trợ quản lý và phát triển thương hiệu	310.089.500	-
	Tổng cộng	310.089.500	-
10.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Kinh phí công đoàn	128.770.656	159.548.056
	Bảo hiểm xã hội	127.764.468	-
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.380.700.548	3.317.268.064
	<i>Phải trả tiền nhận nợ chi phí với các phòng</i>	<i>3.238.499.460</i>	<i>1.607.628.264</i>
	<i>Phải trả tiền cổ tức</i>	<i>58.377.088</i>	<i>1.709.639.800</i>
	<i>Phải trả tiền cho tổ hồ sơ</i>	<i>83.824.000</i>	-
	Tổng cộng	3.637.235.672	3.476.816.120
11.	Vốn chủ sở hữu		
	a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND	
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
	Chỉ tiêu	Tổng cộng	
	Số dư tại ngày 01/01/2011	11.550.000.000	-
	Tăng vốn trong năm trước	-	-
	Lãi trong năm trước	-	2.748.533.645
	Phân phối các quỹ	-	(2.548.691.437)
	Số dư tại ngày 31/12/2011	11.550.000.000	199.842.208
	Tăng vốn trong năm nay	-	-
	Lãi trong năm nay	-	2.700.083.775
	Giảm khác	-	(600.000.000)
	Số dư tại ngày 31/12/2011	11.550.000.000	2.299.925.983
	b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Tổng Công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải	5.890.500.000	5.890.500.000
	Vốn góp của các cổ đông khác	5.659.500.000	5.659.500.000
	Cộng	11.550.000.000	11.550.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.550.000.000	11.550.000.000
Vốn góp đầu kỳ	11.550.000.000	11.550.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	11.550.000.000	11.550.000.000
Cổ tức và lợi nhuận đã chia	-	1.617.000.000

đ) Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.155.000	1.155.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.155.000	1.155.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.155.000	1.155.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.155.000	1.155.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.155.000	1.155.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

đ) Các quỹ của công ty

	01/01/2011	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	797.958.365	-	-	797.958.365
Quỹ dự phòng tài chính	537.203.166	-	-	537.203.166
Tổng cộng	1.335.161.531	-	-	1.335.161.531

Trong năm tài chính 2011, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 600.000.000 đồng. Việc trích lập các quỹ khác từ Lợi nhuận sau thuế tạm thời chưa thực hiện.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**12. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	60.207.917.148	68.319.882.894
Tổng cộng	60.207.917.148	68.319.882.894

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

13. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hàng bán bị trả lại	-	206.031.080
Tổng cộng	-	206.031.080
14. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	60.207.917.148	68.113.851.814
Tổng cộng	60.207.917.148	68.113.851.814
15. Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	48.128.813.292	54.679.580.806
Tổng cộng	48.128.813.292	54.679.580.806
16. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.108.655.097	1.231.780.874
Tổng cộng	2.108.655.097	1.231.780.874
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	62.401.865.975	69.813.969.052
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	58.403.087.608	66.108.751.816
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	3.998.778.367	3.705.217.236
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	999.694.592	956.683.591
18. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.698.495.931	18.215.034.691
Chi phí nhân công	27.651.003.029	28.398.598.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	549.942.744	560.249.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.515.182.472	5.074.926.976
Chi phí khác bằng tiền	7.406.834.625	6.561.248.166
Tổng cộng	58.821.458.801	58.810.057.595

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.700.083.775	2.748.533.645
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, chia các quỹ	2.700.083.775	2.748.533.645
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.155.000	1.155.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.338	2.380

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

1.1 Giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu		18.240.272.339	12.371.309.272
Tổng Công ty CP TV thiết kế giao thông vận tải	Công ty mẹ	17.611.525.067	12.262.218.363
Công ty CP TV TK xây dựng Cảng - Đường thủy	Cùng Tổng công ty	227.272.727	109.090.909
Công ty CP TV xây dựng công trình giao thông 2	Cùng Tổng công ty	401.474.545	-
Mua hàng		1.263.817.544	2.210.435.962
Tổng Công ty CP TV thiết kế giao thông vận tải	Công ty mẹ	836.544.817	994.379.962
Công ty CP Tư vấn thiết kế giao thông vận tải 4	Cùng Tổng công ty	-	820.000.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cầu lớn hầm	Cùng Tổng công ty	245.454.545	231.300.000
Công ty CP TV xây dựng công trình giao thông 7	Cùng Tổng công ty	-	164.756.000
Công ty CP TV xây dựng Cảng - Đường thủy	Cùng Tổng công ty	181.818.182	-

1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lương	1.757.503.500	1.979.296.500
Tiền thưởng	184.400.000	134.000.000
Các khoản phụ cấp và thu nhập khác	138.270.000	158.685.000
Tổng cộng	1.757.503.500	1.979.296.500

1.3 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu		1.461.473.000	669.357.000
Tổng Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế giao thông	Công ty mẹ	1.461.473.000	659.613.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế giao thông vận tải 4	Cùng Tổng công ty	-	9.744.000
Người mua trả tiền trước		-	773.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế giao thông	Công ty mẹ	-	773.000.000
Các khoản phải trả		108.981.420	-
Tổng Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế giao thông	Công ty mẹ	108.981.420	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

2. Những thông tin khác**2.1 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.032.478.534	6.636.000.477
Chi phí vật liệu quản lý	219.213.455	31.127.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	736.604.111	766.549.835
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.661.930	159.854.825
Thuế, phí và lệ phí	99.752.893	84.664.260
Chi phí dự phòng	299.000.000	269.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.552.322	64.297.503
Chi phí bằng tiền khác	3.049.311.071	3.281.870.551
Tổng cộng	10.571.574.316	11.293.364.951

2.2 Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Phí chuyển nhượng cổ phần	2.000.030	-
Thu thanh lý TSCĐ, CCDC	-	468.336.364
Thu nhập khác	83.293.700	-
Tổng cộng	85.293.730	468.336.364

2.3 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí kiểm kê năm 2010	1.700.000	-
Chi phí khác	-	135.806.059
Tổng cộng	1.700.000	135.806.059

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Gia Việt Nam có điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 09 năm 2011. Các điều chỉnh bao gồm tăng doanh thu các hạng mục tư vấn giám sát xây dựng nút giao thông Đồng Văn và Thẩm tra thiết kế kỹ thuật mở rộng quốc lộ 1 đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận với số tiền là 251.456.278 đồng và giảm 15.000.000 đồng khoản chi hội diễn ngành Giao thông vận tải, Công ty đang hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.1 Số liệu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh**a.1 Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2010**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Người mua trả tiền trước	25.974.112.700	25.697.510.794	(276.601.906)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	497.442.350	589.202.048	91.759.698
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	69.500.000	54.500.000	(15.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	199.842.208	199.842.208

